

**Phụ lục XVI  
Appendix XVI**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI, QUYỀN MUA CỔ  
PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ/TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ  
NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN**

**REPORT ON RESULTS OF TRANSACTION IN CONVERTIBLE BONDS; RIGHTS TO  
BUY SHARES/FUND CERTIFICATES/CONVERTIBLE BONDS OF INTERNAL PERSON  
AND AFFILIATED PERSON OF INTERNAL PERSON**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)  
(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom – Happiness**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 27. tháng 12 năm 2023  
Ho Chi Minh City, December 27..., 2023*

**BÁO CÁO**

**Kết quả giao dịch trái phiếu chuyển đổi, quyền mua cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/trái phiếu  
chuyển đổi của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ**

**REPORT ON RESULTS OF TRANSACTION IN CONVERTIBLE BONDS, RIGHTS TO  
BUY SHARES/FUND CERTIFICATES/CONVERTIBLE BONDS OF INTERNAL PERSON  
AND AFFILIATED PERSON OF INTERNAL PERSON**

Kính gửi:

- Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước;
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán;
- Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Hạ Tầng Kỹ Thuật Thành Phố Hồ Chí Minh.

To:

- The State Securities Commission;
- The Stock Exchange;
- Ho Chi Minh City Infrastructure Investment Joint Stock Company.

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch/*Information on individual/organisation  
conducting the transaction:* **Lê Vũ Hoàng**

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức/*Name of individual/organisation:* **Lê Vũ Hoàng**
- Quốc tịch/*Nationality:* **Việt Nam**

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp /*Number of ID card/passport (in case of an individual) or number of Business Registration Certificate, Operation License or equivalent legal document (In case of an organisation), date of issue, place of issue:*
- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/*Contact address/address of head office:*
- Điện thoại/*Telephone:* Fax: Email: Website:
- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ (nếu có) hoặc mối quan hệ với công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ /*Current position in the public company, the fund management company (if any) or relationship with the public company, the fund management company:* **Chủ tịch Hội đồng quản trị Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Hạ Tầng Kỹ Thuật Thành Phố Hồ Chí Minh.**

Thông tin về người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng là người có liên quan của cá nhân/tổ chức thực hiện *giao dịch* (đối với trường hợp người thực hiện *giao dịch* là người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng)/*Information of Internal person of the public company/public fund who is the affiliated person of individual/organisation executing the transaction (in case the person executing transaction is the affiliated person of Internal person of the public company/public fund):*

- Họ và tên người nội bộ/*Name of Internal person:*
  - Quốc tịch/*Nationality:*
  - Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước/*ID card/Passport No.:*
  - Địa chỉ thường trú/*Permanent address:*
  - Điện thoại liên hệ/*Telephone:* Fax: Email:
  - Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/*Current position in the public company, the fund management company:*
  - Mối quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện *giao dịch* với người nội bộ/ *Relationship of individual/organization executing the transaction with the Internal person:*
  - Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ mà người nội bộ đang nắm giữ (nếu có)/*Number, ownership percentage of shares/fund certificates held by the internal person (if any):*
2. Mã chứng khoán *giao dịch/Securities code:* **CII**
  3. Các tài khoản *giao dịch* có cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nêu tại mục 3/*Trading accounts having shares/fund certificates mentioned at item 3:.....* tại công ty chứng khoán/*in the securities company:*

4. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi giao dịch trái phiếu chuyển đổi; quyền mua cổ phiếu/chứng chỉ quỹ, quyền mua trái phiếu chuyển đổi /*Number, ownership percentage of shares/fund certificates held before the trading of convertible bonds, rights to buy shares/fund certificates, rights to buy convertible bonds*: **400.186 cổ phiếu CII, chiếm tỷ lệ 0,13% (trên tổng số 318.364.813 cổ phiếu CII đang lưu hành).**
5. Số lượng trái phiếu chuyển đổi trước giao dịch (trong trường hợp giao dịch trái phiếu chuyển đổi hoặc quyền mua trái phiếu chuyển đổi/*Number of convertible bonds before the transaction (in case of trading convertible bonds or rights to buy convertible bonds)*): **0 trái phiếu**
6. Số lượng quyền mua cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/trái phiếu chuyển đổi trước giao dịch/ *Number of rights to buy shares/ fund certificates/ convertible bonds before the transaction*: **400.186 quyền mua trái phiếu chuyển đổi CII42301.**
7. Tỷ lệ thực hiện quyền mua hoặc tỷ lệ chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu/*Percentage of executing the rights to purchase or convert bonds into shares*: **Tỷ lệ thực hiện quyền mua là 10:1**
8. Số lượng quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi) đăng ký mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/ thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/*Number of rights to buy (for the transaction of rights to buy) or number of convertible bonds (for the transaction of convertible bonds) registered to purchase/sell/present/be presented/ donate/be donated/inherit/transfer/be transferred*: **Không.**
9. Số lượng quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi) đã thực hiện/ *Number of executed rights to buy for the transaction of rights to buy) or number of convertible bonds for the transaction of convertible bonds*):
  - Loại giao dịch đã thực hiện /*Type of transaction executed*: **Thực hiện quyền mua trái phiếu chuyển đổi mã CII42301.**
  - Số lượng quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi) đã thực hiện/ *Number of executed rights to buy for the transaction of rights to buy) or number of convertible bonds for the transaction of convertible bonds*): **40.018 trái phiếu chuyển đổi mã CII42301.**
10. Giá trị đã giao dịch (tính theo mệnh giá hoặc giá phát hành)/*The value of executed transaction (calculated based on par value or issuing price)*: **4.001.800.000 đồng.**
11. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/trái phiếu chuyển đổi dự kiến nắm giữ sau khi thực hiện quyền mua hoặc số lượng cổ phiếu dự kiến nắm giữ sau khi chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu/ *Number of shares/fund certificates convertible bonds expected to hold after exercising the right to buy or number of shares expected to hold after converting bonds into shares*: **40.018 trái phiếu chuyển đổi mã CII42301.**

12. Phương thức giao dịch/Method of transaction: **Thực hiện quyền mua.**

13. Thời gian thực hiện giao dịch/Trading time: **từ ngày/from 27/11/2023 đến ngày/to 26/12/2023**

**Nơi nhận:**

**Recipients:**

- ...;

- Lưu: VT, ....

- Archived: ...

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/ NGƯỜI ĐƯỢC ỦY  
QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN  
REPORTING ORGANISATION  
/INDIVIDUAL/PERSONS AUTHORIZED TO  
DISCLOSE INFORMATION**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)*

*(Signature, full name and seal -if any)*

7 Hoàng

**LÊ VŨ HOÀNG**